

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

1. Sửa đổi, bổ sung các điểm 1.3, 1.5, 1.9, 1.11, 2.27 và 2.28 Mục I Chương II như sau:

"1.3. Kiểm tra đột xuất sau thiên tai: Cơ quan quản lý đường thủy nội địa (Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải hoặc các đơn vị trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải được giao nhiệm vụ) chủ trì, cùng đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa kết hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức kiểm tra đánh giá thiệt hại do thiên tai đột xuất gây hậu quả nghiêm trọng."

"1.5 Đo dò sơ khảo bãi cạn, luồng qua khu vực phức tạp: Khi đi kiểm tra tuyến, cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực (Chi cục Đường thủy nội địa hoặc đơn vị trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải

được giao nhiệm vụ) hoặc đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa thực hiện đo dò sơ khảo bãi cạn hay đoạn luồng có diễn biến phức tạp; vẽ sơ họa bãi cạn hay đoạn luồng cần kiểm tra, phục vụ kịp thời cho điều chỉnh báo hiệu, quản lý luồng lạch của tuyến."

"1.9. *Trực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn*: Khi thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến khu vực quản lý, các cơ quan quản lý đường thủy nội địa chủ trì phối hợp đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa bố trí phương tiện và nhân sự trực theo quy chế phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn."

"1.11. *Quan hệ với địa phương*: Đơn vị quản lý đường thủy nội địa theo phân cấp làm việc với Ủy ban nhân dân các xã, phường ven tuyến đường thủy nội địa, các lực lượng chức năng (công an, biên phòng, thanh tra giao thông), các chủ công trình trên tuyến đường thủy nội địa để phối hợp bảo vệ báo hiệu, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đường thủy nội địa, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cũng như những công việc khác có liên quan trên tuyến đường thủy nội địa quản lý."

"2.27. *Bảo dưỡng phao nhựa, composite*: Vệ sinh, lau, rửa phao báo hiệu đảm bảo độ sáng về màu sắc báo hiệu. Trường hợp phải sơn màu (nếu có), áp dụng định mức sơn màu phao thép."

"2.28. *Bảo dưỡng công trình chỉnh trị, âu, đập, chân báo hiệu kè đá học*:

- Công trình âu, đập thực hiện bảo trì theo quy trình bảo trì được phê duyệt riêng cho từng công trình theo quy định hiện hành.

- Công trình kè chỉnh trị, kè chân cột báo hiệu bằng đá học thực hiện bảo dưỡng lát bù mái và chân bị bong xô, vệ sinh phát quang cây bụi mọc trên kè hoặc trồng bù lấp thảm thực vật mái kè (nếu là kè thực vật)."

2. Sửa đổi, bổ sung các điểm 1.1, 1.4, 1.5, 1.7, 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5a, 2.1.6, 2.1.9, 2.1.10, 2.1.12, 2.1.13, 2.1.15, 2.1.17, 2.2.1, 2.2.3, 2.2.4, 2.2.5, 3.6, 3.12, 3.13 và 3.14 Mục II Chương II như sau:

"II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	Hạng mục công việc	ĐVT	Định ngạch		
			Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	Khối lượng công tác QLTX				
1.1	Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa tự tổ chức kiểm tra tuyến, kết hợp bảo dưỡng thường xuyên toàn bộ tuyến luồng	lần/năm	52	52	52
1.4	Kiểm tra đột xuất sau thiên tai	lần/năm	3	3	3
1.5	Kiểm tra theo dõi công trình giao thông và tham gia xử lý tai nạn	lần/năm	4	4	4
1.7	Đo dò sơ khảo bãi cạn	lần/năm/bãi	9	9	9
2	Khối lượng công tác bảo trì đường thủy nội địa				

2.1	Bảo trì báo hiệu				
2.1.1	Thả phao	lần/năm/quả	2	2	2
2.1.2	Điều chỉnh phao	lần/năm/quả	9	9	9
2.1.3	Chống bồi rùa	lần/năm/quả	9 (6)	9 (6)	9 (6)
2.1.4	Trục phao	lần/năm/quả	2	2	2
2.1.5a	Bảo dưỡng, vệ sinh phao nhựa, composite	lần/năm/quả	2	2	2
2.1.6	Sơn màu giữa kỳ phao	lần/năm/quả	1	1	1
2.1.9	Dịch chuyển cột báo hiệu (loại chân không đồ bê tông)	% số cột	20	10	5
2.1.10	Dịch chuyển biển, đèn báo hiệu khoang thông thuyền (khi có thay đổi khoang thông thuyền)	lần/năm/biển	0	0	0
2.1.12	Sơn màu giữa kỳ cột, biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật	lần/năm/cột, biển	1	1	1
2.1.13	Sơn màu cột bê tông	lần/năm/cột	2	2	2
2.1.15	Sơn màu giữa kỳ biển báo hiệu cầu	lần/năm/biển	1	1	1
2.1.17	Sơn màu giữa kỳ lồng đèn, hòm ắc quy, rào chống trèo	lần/năm/đèn	1	1	1
2.2	Bảo trì đèn báo hiệu				
2.2.1	Hành trình thay ắc quy	lần/năm	bằng số lần thay ắc quy (-) hành trình kiểm tra tuyến		
2.2.3	Đèn sử dụng năng lượng mặt trời				
a	Thay nguồn (ắc quy, pin)	lần/năm/đèn	1	1	1
2.2.4	Sửa chữa thường xuyên đèn báo hiệu	lần/năm/đèn	1	1	1
2.2.5	Thay đèn báo hiệu khi sửa chữa	lần/đèn	Bằng số đèn sửa chữa		
3	Các công tác đặc thù trong quản lý, bảo trì đường thủy nội địa				
3.6	Trực phòng chống thiên tai	ngày/năm	18	18	18
3.12	Bảo dưỡng công trình chỉnh trị (kè, âu, đập)	lần/năm	1	1	1
3.13	Bảo dưỡng kè chân cột báo hiệu bằng đá hộc	lần/năm	1	1	1
3.14	Trực xử lý công nghệ thông tin	công/trạm/ngày	3	3	3

Ghi chú:

- Các tuyến đường thủy nội địa khu vực phía Nam sử dụng giá trị trong ngoặc (...);

- Công tác thả phao, trục phao các vị trí bị ảnh hưởng xả lũ thủy điện được cộng thêm 01 lần/năm khi mực nước thay đổi với biên độ $\geq 1,5$ m;

- Công tác điều chỉnh phao trên sông Tiền, sông Hậu và sông ảnh hưởng xả lũ thủy điện khi mực nước thay đổi với biên độ $\geq 1,5$ m cộng thêm 01 lần/năm;
- Công tác sơn màu giữa kỳ báo hiệu thép (phao; cột; biển; lồng đèn, hòm ắc quy, rào chống tràn) với môi trường nước mặn cộng thêm 01 lần/năm;
- Công tác dịch chuyển cột báo hiệu (loại chân không đổ bê tông) đối với vùng núi cao được cộng thêm 5% tổng số báo hiệu/năm;
- Thực xử lý công nghệ thông tin chỉ thực hiện khi áp dụng công nghệ thông tin.”

3. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Mục I Chương III như sau:

“2a. Đo dò sơ khảo bãi cạn bằng máy hồi âm, định vị DGPS

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, máy, dụng cụ;
- Tàu từ tìm luồng vào vị trí đầu tiên cần đo;
- Đo theo yêu cầu kỹ thuật;
- Kết thúc công việc đưa tàu ra tìm luồng;
- Lập báo cáo, lên sơ họa, gửi báo cáo về cơ quan quản lý đường thủy nội địa.

Đơn vị tính: 100 ha

Mã hiệu	Công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	
				Tàu < 90 cv	Tàu ≥ 90 cv
1.02.2	Đo dò sơ khảo bãi cạn bằng máy hồi âm, định vị DGPS	<i>Vật liệu</i>			
		Sổ ghi chép	quyển	1,02	1,33
		Cờ khảo sát	cái	0,1	0,13
		Giấy vẽ bản đồ A3	tờ	3	3
		Băng đo sâu	cuộn	1,02	1,326
		Giấy A4	ram	1,5	1,5
		Mực máy in	hộp	0,3	0,3
		Dội thử máy	bộ	0,01	0,013
		Mia đọc mực nước	cái	0,005	0,007
		Ắc quy 12 V - 75 Ah	cái	0,005	0,007
		Bộ nạp ắc quy	cái	0,005	0,007
		Áo phao cứu sinh	cái	0,02	0,02
		Vật liệu khác	%	10	10
		<i>Nhân công bậc 5/7</i>	<i>công</i>	<i>4,99</i>	<i>9,48</i>
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy đo sâu hồi âm	ca	0,51	0,66
		Máy định vị vệ tinh DGPS	ca	0,51	0,66
		Máy vi tính	ca	0,51	0,66

1.02.2	Đo dò sơ khảo bãi cạn bằng máy hồi âm, định vị DGPS	Máy phát điện 5,2 kW	ca	0,51	0,66
		Phần mềm khảo sát	ca	0,51	0,66
		Máy thủy bình	ca	0,51	0,66
		Máy in	ca	0,18	0,18
		Tàu công tác	ca	0,51	0,86
		Máy khác	%	5	5

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Mục II Chương III như sau:

"5. Bảo dưỡng phao sắt

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ bàn cạo, máy mài (đánh) gỉ; dụng cụ và vật liệu sơn và dụng cụ gò, nắn chỉnh;
- Kê đệm, cọ rửa phao, tháo gioăng phao; cạo, đánh gỉ bên trong và bên ngoài phao. Lau chùi sạch phao, biển trước khi sơn;
- Gò nắn lại phần phao bị bẹp (nếu có);
- Sơn một nước sơn chống gỉ bên trong và bên ngoài phao, biển;
- Sơn màu hai nước bên ngoài phao, biển đúng quy tắc báo hiệu, đánh số báo hiệu;
- BẮT chặt gioăng đảm bảo kín nước;
- Đưa phao vào vị trí quy định;
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc.

Bảo dưỡng tại xưởng thành phần công việc chưa bao gồm công tác trực, thả phao và vận chuyển.

Đơn vị tính: 1 quả phao

Mã hiệu	Hạng mục công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị	Phao nhót		Phao trụ					
				ø 800		ø 800		ø 1000		ø 1200	
				Tại xưởng	Tại hiện trường	Tại xưởng	Tại hiện trường	Tại xưởng	Tại hiện trường	Tại xưởng	Tại hiện trường
2.05.1	Bảo dưỡng phao sắt	<i>Vật liệu</i>									
		Sơn chống gỉ	kg	0,61	0,61	0,95	0,95	1,29	1,29	1,34	1,34
		Sơn Màu	kg	0,41	0,41	0,65	0,65	0,89	0,89	1,35	1,35
		Bàn chải máy ø90-ø120	cái	0,087		0,135		0,183		0,19	
		<i>Nhân công 4,5/7</i>	công	1,157	2,25	1,802	2,65	2,447	3,313	2,542	4,375
		<i>Máy thi công</i>									
		Máy mài cầm tay 1,0 kW	ca	0,108	-	0,168	-	0,229	-	0,238	-
				1	2	3	4	5	6	7	8